TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06-01-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Văn Bổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 06 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 549/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 433/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thu L, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp PS, xã TT, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp LD, xã PL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 03/8/2019 và đơn xin vắng mặt ngày 27/8/2019 nguyên đơn chị Lê Thị Thu L trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh H tự nguyện kết hôn năm 2017 và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 03/12/2017 hiện do anh H đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao con

cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Trường hợp anh H không đồng ý nuôi con thì giao lại cho chị nuôi. Cấp dưỡng nuôi con chị đồng ý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; chị L vắng mặt có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang vào ngày 03/7/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị L cho rằng giữa chị và anh H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn chung sống lại được. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã biết chị L kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ anh H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị L đặt ra. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Chị L và anh H hiện không còn chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Từ các căn cứ trên, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kèo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 03/12/2017 hiện do anh H nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu tiếp tục giao con cho anh H nuôi dưỡng, anh H đang nuôi dưỡng con và không có ý kiến phản bác nên được xem như chấp nhận yêu cầu của chị L đặt ra. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao con cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh H không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết,

[4] Về tài sản chung và nợ chung chị L và anh H không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 2 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L. Cho chị Lê Thị Thu L được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 03/12/2017 cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3 Án phí hôn nhân gia đình chị L phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0002544 ngày 14/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã TT, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên